| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 13-GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 19/2026/QĐST-DS | *Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu R, sinh năm 1968. Số căn cước công dân 056068005521; Địa chỉ: 0 T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh L, sinh năm 1990. Số căn cước công dân 068190011303; Địa chỉ: thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1933. Số căn cước công dân 064033001597; Địa chỉ: thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn N:* Ông Mai Văn T – Luật sư thuộc Văn phòng L3 – Đoàn Luật sư tỉnh G.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1939. Số căn cước công dân 064139002592; Địa chỉ: thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đăng Thị L2*: Ông Mai Văn T – Luật sư thuộc Văn phòng L3 - Đoàn Luật sư tỉnh G.

+ Bà Trương Thị P, sinh năm 1966. Số căn cước công dân 049166009340; Địa chỉ: 0 T, phường X- Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị P:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh L, sinh năm 1990. Số căn cước công dân 068190011303; Địa chỉ: thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu R và bà Trương Thị P là bà Nguyễn Thị Quỳnh L cùng với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N

và bà L2 là ông Mai Văn T và ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 thỏa thuận như sau:
Phần đất tranh chấp của các thửa đất số 308, tờ bản đồ số 34 và thửa đất số 309, tờ bản đồ số 34, có tổng diện tích là 20,8m$^2$, nguyên đơn công nhận thực tế ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 đang sử dụng từ trước đến nay, cụ thể:

+ Một phần của thửa đất số 308; Tờ bản đồ số 34; Địa chỉ thửa đất: thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai, đứng tên ông Nguyễn Hữu R theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 292659 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 25/4/2022. Diện tích là 11,6m$^2$, đất có tứ cận:
Phía Đông: Giáp đất của ông N, kích thước 5,0m;
Phía Tây: Giáp đất của ông R, kích thước 5,0m;
Phía Nam: Giáp đất tranh chấp với ông R thửa 409, kích thước 2,07m
Phía Bắc: Giáp đất của ông Nguyễn T1, kích thước 2,55m;

+ Một phần của thửa đất số 309; Tờ bản đồ số 34; Địa chỉ thửa đất: thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai, đứng tên ông Nguyễn Hữu R theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 292658 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 25/4/2022. Diện tích là 9,2m$^2$, đất có tứ cận:
Phía Đông: Giáp đất của ông N, kích thước 5,0m;
Phía Tây: Giáp đất của ông R, kích thước 5,0m;
Phía Nam: Giáp đất của ông N, kích thước 1,6m;
Phía Bắc: Giáp đất tranh chấp với ông R thửa 408, kích thước 2,07m.

*(Kèm theo Quyết định, bản phô tô sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu R1 và ông Trần văn N).*

Nay chúng tôi thỏa thuận ông N và bà L1 vẫn tiếp tục sử dụng phần đất trên đất theo thực tế từ trước cho đến nay. Nguyên đơn cam kết không tranh chấp phần đất trên đối với bị đơn nữa.
Gia đình ông Nguyễn Hữu R sẽ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ số 34; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 292659 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 309, Tờ bản đồ số 34; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 292658 vị trí 02 thửa đất tại thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai, theo đúng thực tế sử dụng đất hiện tại.

- Ông Nguyễn Hữu R, Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cung cấp các tài liệu, giấy tờ liên quan đến thửa đất để làm các thủ tục đăng ký biến động và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phù hợp với thực tế sử dụng đất đối với phần đất của mình đang sử dụng.

Việc đăng ký biến động và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, diện tích cụ thể, tứ cận phải theo kết quả đo đạc địa chính, trích lục thửa đất mới, hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai được cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

- Ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 đồng ý hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu R và bà Trương Thị P số tiền là 20.800.000đồng để thực hiện việc chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 tự nguyện hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu R 1.650.000đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tổng số tiền mà Ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 đã chi trả lại cho ông Nguyễn Hữu R gồm: 20.800.000đồng hỗ trợ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất + 1.650.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản = 22.450.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 đã giao đủ số tiền trên cho người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu R và bà Trương Thị P là bà Nguyễn Thị Quỳnh Lê .

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền là 3.300.000đồng. Ông Nguyễn Hữu R tự nguyện chịu số tiền là 1.650.000đồng và ông Trần Văn N tự nguyện chịu số tiền là 1.650.000đồng. Ông Nguyễn Hữu R đã nộp đủ số tiền 3.300.000đồng, ông Trần Văn N và bà Đặng Thị L1 đã hoàn trả lại đủ số tiền 1.650.000đồng cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Lê .

- Về ánh phí: Ông Nguyễn Hữu R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông R số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003074 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai (cũ).

Ông Trần Văn N và bà Đăng Thị L2 là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn án phí, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng THADS khu vực 13;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Lê Ngọc Bình**